TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2019/DS-PT
Ngày: 14-03-2019
V/v tranh chấp bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hồng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Trường

Bà Trần Thị Ngọc Dung

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Bùi Thị Hồng Sương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:*** Bà Lữ Thị Tuyết Lan- Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 03 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2019/TLPT-DS, ngày 24 tháng 01 năm 2019 về "*Tranh chấp bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 64/2018/DS-ST ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 38/2019/QĐ-PT, ngày 27 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Duy K, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Ấp N, xã M, huyện B, tỉnh Vĩnh Long, có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1969, có mặt.

Bà Trần Thị Cẩm N, sinh năm 1971, có mặt.

Cùng nơi cư trú: Ấp R, xã M, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

3. Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị Cẩm N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn là anh Nguyễn Duy K trình bày:* Anh Nguyễn Duy K được cha ruột là ông Nguyễn Văn B cho 1.000m^2 đất thuộc thửa 276 đất tọa lạc tại ấp

N, xã M, huyện B, tỉnh Vĩnh Long do ông Nguyễn Văn B đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi được ông B cho đất, anh K đã trồng cây đu đủ. Anh K đã san lắp đất; thuê nhân công chở phân bò, đổ bùn trên đất; Chi phí tiền mua phân, thuốc. Tổng chi phí để trồng đu đủ trên 1.000m^2 đất bằng 13.535.000 đồng.

Vào năm 2016 chính quyền địa phương có vận động bà con địa phương tại 03 ấp T, R và N thuộc xã M làm đê bao khép kính kênh La Zách tổng cộng 38 hộ dân. Nhưng hộ gia đình ông H và bà N không đồng ý làm đê bao trên phần đất của ông H . Đến ngày 07/11/2017 nước dâng cao bể đê tại phần đất của ông H , bà N làm tràn ngập nước sang phần đất trồng đu đủ của anh K. Ngày 22/11/2017 thì chính quyền địa phương có đến phần đất trồng đu đủ của anh K để xác minh sự việc xảy ra thiệt hại. Sau đó, chính quyền địa phương tiến hành hòa giải để các bên thỏa thuận với nhau nhưng phía ông H, bà N không đồng ý thỏa thuận bồi thường.

Anh K khởi kiện yêu cầu ông H và bà N có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản cho anh K tổng số tiền là 3.500.000 đồng.

- *Bị đơn ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị Cẩm N trình bày:* Vào ngày 17/05/2016 thì chính quyền địa phương có vận động bà con địa phương tại 03 ấp T, R và N thuộc xã M làm đê bao khép kín kênh La Zách nhưng gia đình ông H và bà N không đồng ý làm đê bao trên đất của gia đình ông H vì Nhà nước không hỗ trợ tiền cây cam trên đất cho gia đình ông H, trong khi các cây cam trên đất của ông H đang ra trái. Sau đó gia đình ông H tự đắp bờ đê ngăn nước tại phần đất của gia đình ông H. Vào ngày 19/09/2017 âm lịch thì do thả thông 02 ống bọng ngoài kênh La Zách Phi 100, cộng với triều cường nước lên cao cho nên làm vỡ đê 02 đoạn khoảng 02 mét trên mặt liếp tại đất của ông H, bà N làm cho nước tràn ngập sang đất của anh K đang trồng đu đủ. Ông H, bà N chấp nhận bồi thường thiệt hại tài sản cho anh K bằng số tiền là 1.750.000 đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 64/2018/DS-ST ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Căn cứ khoản 6 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 584 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị Cẩm N có ông Nguyễn Văn H làm đại diện: Ông H và bà N tự nguyện bồi thường cho anh Nguyễn Duy K số tiền là 1.750.000 đồng (Một triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng). Đồng thời buộc ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị Cẩm N có ông Nguyễn Văn H làm đại diện theo ủy quyền bồi thường tiếp cho anh Nguyễn Duy K số tiền là 1.750.000 đồng (Một triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng). Tổng cộng số tiền mà phía ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị Cẩm N có ông Nguyễn Văn H làm đại diện theo ủy quyền bồi thường cho phía anh Nguyễn Duy K là 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm ngàn đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí giám định và định giá tài sản, về quyền kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

- Ngày 03/12/2018 bị đơn ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị Cẩm N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 64/2018/DS-ST ngày 19/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long không chấp nhận bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của anh K.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị Cẩm N chấp nhận bồi thường thiệt hại 50% thiệt hại cho anh K bằng số tiền 1.750.000 đồng và tự nguyện chịu 50% chi phí định giá tại Tòa án cấp sơ thẩm.

- Nguyên đơn anh Nguyễn Duy K đồng ý theo sự tự nguyện bồi thường của ông H và bà Nga. Anh K tự nguyện chịu 50% chi phí định giá tại Tòa án cấp sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng;

Ý kiến của Kiểm sát viên về kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị Cẩm N và đề nghị sửa án sơ thẩm, công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự giữa nguyên đơn anh K với bị đơn ông H và bà Nga, ông H và bà N có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho anh K bằng tổng số tiền là 1.750.000 đồng và hoàn trả cho anh K 200.000đồng chi phí định giá. Anh K tự chịu 200.000 đồng chi phí định giá. Do sửa án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị Cẩm N kháng cáo trong hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm được quy định tại Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét thấy tại phiên tòa bị đơn ông H và bà N chấp nhận bồi thường thiệt hại cho anh K số tiền 1.750.000 đồng. Nguyên đơn anh K đồng ý theo sự tự nguyện bồi thường của vợ chồng ông H, bà N về việc bồi thường thiệt hại cho anh K 1.750.000 đồng.

Về chi phí định giá: Nguyên đơn anh K tự nguyện chịu 200.000 đồng chi phí định giá. Ông H và bà N tự nguyện chịu 200.000 đồng chi phí định giá để hoàn trả lại cho anh K.

Xét thấy các đương sự tự nguyện thỏa thuận không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật. Nên Hội đồng xét xử, sửa án sơ thẩm công nhận sự thỏa thuận của các đương sự theo quy định tại Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Kể từ ngày bà anh Nguyễn Duy K có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị Cẩm N chưa thi hành án xong thì ông H và bà N phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[4] Về án phí:

Ông H và bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do sửa án sơ thẩm nên ông H và bà N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300 và khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự; Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 64/2018/DS-ST ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình:

Áp dụng khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Công nhận sự tự nguyện của nguyên đơn Nguyễn Duy K với bị đơn ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị Cẩm N:

- Ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị Cẩm N có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho anh Nguyễn Duy K tổng số tiền là 1.750.000 đồng (Một triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

- Anh Nguyễn Duy K tự nguyện chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) chi phí định giá. Khấu trừ vào số tiền do anh K đã nộp tạm ứng. Anh K đã nộp đủ.

- Ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị Cẩm N chịu 200.000 đồng chi phí định giá. Do anh K đã nộp tạm ứng nên ông H và bà N nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) để hoàn trả lại cho anh K.

2. Về án phí:

- Ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị Cẩm N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là 600.000 đồng theo biên lai thu số 0011407, 0011408 ngày 03/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình. Ông H và bà N được nhận lại số tiền nộp tạm ứng án phí còn lại là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

- Anh Nguyễn Duy K được nhận lại số tiền nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0010783 ngày 27/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

- Các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm.

3. Kể từ ngày bà anh Nguyễn Duy K có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị Cẩm N chưa thi hành án xong thì ông H và bà N phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại TP.HCM: 01;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long: 01;
- Tổ Nghiệp vụ TAND tỉnh VL: 02;
- Chi cục TAND h. Tam Bình: 01;
- THADS h.Tam Bình: 01;
- Đương sự: 03;
- Lưu hồ sơ vụ án: 04.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Thúy Hồng